

Số: **347/2018/HNGĐ – ST.**

Ngày: **10/10/2018.**

V/v: “*Xin ly hôn*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Thanh Hoàng**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lê Văn Phú**
2. Ông **Trần Thành Chúng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thảo Ngân** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa: Bà **Lâm Thị Thanh Thúy** – Kiểm sát viên.

Ngày **10** tháng **10** năm **2018** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A. Tòa án nhân dân huyện A, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: **242/2018/TLST – HNGĐ** ngày **19** tháng **7** năm **2018** về việc “*Xin ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **393/2018/QĐST-HNGĐ** ngày **20** tháng **8** năm **2018** giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị T**, sinh năm: **1975**;

Cư trú: tổ 18, ấp P, xã P, huyện A, tỉnh An Giang

Bị đơn: Ông **Lê Minh P**, sinh năm: **1976**;

Cư trú: tổ 13, ấp P, xã P, huyện A, tỉnh An Giang.

(Bà T có mặt; ông P vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 11/7/2018 với các tài liệu kèm theo, quá trình tố tụng tại Tòa án bà **Phạm Thị T** trình bày: Hôn nhân giữa bà và ông **P** là do mai mối, được hai bên gia đình đồng ý tổ chức lễ cưới vào năm 2001 và đăng ký kết hôn trễ hạn tại UBND xã **P** ngày 31/8/2006. Sau khi kết hôn ông bà đi Bình Dương làm một thời gian, đến năm 2006 khi bà **T** mang thai thì bà về quê dưỡng thai chờ sinh nở và mở tiệm cắt tóc nhỏ để kiếm sống, còn ông **P** vẫn ở lại làm. Mâu thuẫn cũng phát sinh từ đây, không hiểu nguyên nhân vì sao ông **P** không về quê cũng không thăm hỏi mẹ con bà, một mình bà sinh con, nuôi dạy con từ đó đến nay. Gia đình hai bên gần nhau nhưng cũng không qua lại, bà chờ đợi ông **P** nhiều năm nay nhưng không có kết quả nên quyết định ly hôn với ông **P**.

Về quan hệ con chung: Bà **T** và ông **P** có 01 con chung tên **Lê Phạm Gia H**, sinh ngày 07/7/2006, hiện do bà **T** nuôi dạy, Khi ly hôn bà **T** có nguyện vọng tiếp tục nuôi dạy con chung, không yêu cầu ông **P** cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông P không có.

Ông Lê Minh P được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án đã đến tận nhà ông đã ghi lời khai nhưng ông cũng không có mặt nên tiến hành lập biên bản về việc không làm việc được với đương sự vào ngày 20/8/2018

Chứng cứ thu thập được:

Ông La Văn T trình bày: Ông là hàng xóm lâu năm của bà T và ông P. Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng bà T và ông P thì ông không được rõ. Tuy nhiên, ông thấy từ khi bà T mang thai đến nay ông P ít khi về thăm hỏi, một mình bà T nuôi dạy con, gia đình hai bên cũng gần nhau nhưng thấy ít qua lại để ông bà tự hàn gắn với nhau. Theo như ông biết ông P không có ý hàn gắn với bà T vì mỗi lần về nhà ông P không hề đến thăm vợ con, dần vợ chồng có khoảng cách và mất tình cảm, bà T vì con nên chờ đợi ông P đến hôm nay, nhận thấy không có kết quả nên bà quyết định ly hôn.

Tại phiên tòa hôm nay bà T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Riêng ông P đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để nghe xét xử nhưng ông vẫn vắng mặt nên HĐXX xét xử vắng mặt ông P theo thủ tục chung.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong việc thu thập chứng cứ, xác định tư cách của những người tham gia tố tụng là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục xét xử được đảm bảo. Về nội dung giải quyết vụ án, xét thấy yêu cầu ly hôn của bà T là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHÂN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

Về thủ tục tố tụng: Bà T xin được ly hôn với ông P. Ông P hiện đang cư trú tại huyện A, tỉnh An Giang. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

Về quan hệ hôn nhân:

Hôn nhân giữa bà T và ông P có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện A, tỉnh An Giang nên phát sinh trách nhiệm pháp lý, phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên, nên được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu của bà T xin được ly hôn với ông P, HĐXX xét thấy:

Mặc dù Tòa án không trực tiếp làm việc được với ông P và ông cũng không tham gia hòa giải tại Tòa án. Tuy nhiên, qua làm việc với bà T và chứng cứ thu thập được qua lời trình bày của ông T, nhận thấy mâu thuẫn của ông, bà là thật sự trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ việc ông P bỏ mặt vợ con nhiều năm nay không chăm sóc, lo lắng, gia đình

hai bên không tiến hành hàn gắn, thời gian ly thân kéo dài, tình cảm không còn. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài do đó yêu cầu ly hôn của bà T là chính đáng và hoàn toàn có căn cứ để chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về quan hệ con chung: Bà T và ông P có 01 con chung tên Lê Phạm Gia H, sinh ngày 7/7/2006, hiện do bà T chăm sóc nuôi dạy. Xét thấy, từ khi ly hôn đến nay cháu H được bà T chăm sóc, tình cảm thật sự gắn bó và theo nguyện vọng của cháu H được sống với bà T, HĐXX nghĩ chấp nhận cho bà T tiếp tục nuôi là phù hợp.

Theo quy định, khi ly hôn bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, tuy nhiên tại phiên hòa giải bà T không yêu cầu ông P cấp dưỡng, HĐXX nghĩ nên công nhận sự tự nguyện của bà T.

Hội đồng xét xử cũng giải thích cho bà T biết: Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không cố định, sẽ có thay đổi khi có yêu cầu chính đáng của một hoặc cả hai bên và trong thời gian nuôi con ông có nghĩa vụ tạo điều kiện cho ông P đến thăm con chung, không ai cản trở ông P thực hiện quyền này.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T khai không có, tuy nhiên ông P vắng mặt nên HĐXX không xem xét. Nếu sau này ông P có chứng cứ khác chứng minh có tài sản chung hoặc nợ chung và ông P có yêu cầu thì Tòa án sẽ xem xét thụ lý giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Bà T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Các Điều 51, 53, 56, điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị T được ly hôn với ông Lê Minh P.

Về con chung: Bà T được tiếp tục con chung tên Lê Phạm Gia H, sinh ngày 07/7/2006. Công nhận tự nguyện của bà T về việc không yêu cầu ông P phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà T và những người thân trong gia đình phải tạo điều kiện cho ông P đến thăm con chung, không ai được cản trở ông P thực hiện quyền này.

Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con không cố định sẽ thay đổi khi có yêu cầu chính đáng của một hoặc cả hai bên

Về án phí: Bà Phạm Thị Th phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm (được chuyển từ tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A theo biên lai thu số 0009168 ngày 17/7/2018).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (10/10/2018) các bên có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Thời hạn kháng cáo của các đương sự vắng mặt là 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

(Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự).

Nơi nhận:

- VKS huyện;
- TAT An Giang;
- THA huyện;
- Các đương sự;
- Lưu VP;
- Lưu HS.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thanh Hoàng

